Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 008

A TU LA

008

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu,* **tô màu *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. *Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?*

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 4 hạng người - Atula quyến thuộc với Atula - Kinh CÁC ATULA – Tăng I, 727

CÁC ATULA – *Tăng* I, 727

1. - Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- A-tu-la với quyến thuộc A-tu-la,
- A-tu-la với quyến thuộc chư Thiên;
- Chư Thiên với quyến thuộc A-tu-la;
- Chư Thiên với quyến thuộc chư Thiên.

2.*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người A-tu-la với quyến thuộc A-tu-la?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, theo ác pháp, hội chúng của người ấy cũng ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người A-tu-la với quyến thuộc A-tu-la.

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người A-tu-la với quyến thuộc chư Thiên?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, theo ác pháp, nhưng hội chúng của người ấy có

giới, theo pháp lành. Như vậy này các Tỷ-kheo, là hạng người A-tu-la với quyến thuộc chư Thiên.

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người chư Thiên với quyến thuộc A-tu-la?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người giữ giới, theo pháp lành, còn hội chúng của người ấy ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chư Thiên với quyến thuộc A-tu-la.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng chư Thiên với quyến thuộc chư Thiên?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo pháp lành, và hội chúng của người ấy cũng có giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chư Thiên với quyến thuộc chư Thiên.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

2 8 Vi diệu trong biển lớn - Kinh ATULA PAHÀRÀDA – Tăng III, 557

ATULA PAHÀRÀDA – *Tăng* III, 557

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi vua A-tu-la Pahàràda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với vua A-tu-la Pahàràda đang đứng một bên:

- Này Paràhàda, có phải các A-tu-la thích thú biển lớn?

- Bạch Thế Tôn, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Này Paràhàda, có bao nhiêu sự vi diệu trong biển lớn mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn?

- Bạch Thế Tôn, có **tám vi diệu chưa từng có trong biển lớn** mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

2. Bạch Thế Tôn, biển lớn *tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm*. Vì rằng bạch Thế Tôn, vì rằng

biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

3. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn *đứng một chỗ, không có vượt qua bờ*. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

4. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn *không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền*. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, *các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn*. Vì rằng, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng … trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn,

đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

6. Lại nữa, bạch Thế Tôn, *phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy*. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, *biển lớn chỉ có một vị là vị mặn*. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, *biển lớn có nhiều châu báu*, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não, bạch Thế Tôn, đây là vi

diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, *biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn*, tại đấy, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loài chúng sanh lớn, tại đấy, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

- Này Pahàràda, Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này?

10. - Này Pahàràda, **có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này**.

Thế nào là tám?

11. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm*.

Cũng vậy, này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thình lình. Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thình lình, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

12. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ*.

Cũng vậy, này Pahàràda, khi các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này Pahàràda, vì rằng các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh

mạng, cũng không vượt qua, nên này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

13. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền.*

Cũng vậy, này Pahàràda, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy.

Vì rằng, này Pahàràda, người ấy là ác giới, theo ác pháp, … tánh tình bất tịnh … và chúng Tăng sống xa vị ấy, nên này Pahàràda, trong pháp và luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

14. *Ví như, này Pahàràda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, <u>các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn.</u>*

Cũng vậy, này Pahàràda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, <u>họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử.</u>

Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có <u>thứ tư</u> mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

15. *Ví như, này Pahàràda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng <u>không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy.</u>*

Cũng vậy, này Pahàràda, <u>nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy.</u>

Này Pahàràda, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahàràda,

trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

16. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn chỉ có một vị mặn.*

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.

Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

17. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não.*

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành.

Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này, như Bốn niệm xứ …, Thánh đạo tám ngành,

nên này Pahàràdan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

18. Ví như, này Pahàràda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đấy, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần.

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đấy có những chúng sanh này: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán.

Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đấy có những chúng sanh này … quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahàràda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và luật và do thấy vậy, do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

3 Chỗ ẩn náo của những người sợ hãi - Kinh CHƯ THIÊN – Tăng IV, 187

CHƯ THIÊN – *Tăng* IV, 187

1. - Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến kịch liệt giữa chư Thiên và các loài Asurà. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, các Asurà thắng, chư Thiên bị bại trận. Chư Thiên thất trận bỏ chạy, các Asurà mặt hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên suy nghĩ sau: "Các Asurà đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ hai với các Asurà".

2. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư Thiên đánh với các Asurà. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các Asurà lại thắng trận, chư Thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư Thiên thất trận sợ hãi bỏ chạy, các Asurà mặt hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên suy nghĩ như sau: "Các Asurà đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với các Asurà".

3. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư Thiên đánh với các Asurà. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các Asurà lại thắng trận, chư Thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư Thiên thất trận sợ hãi chạy vào thành phố chư

Thiên. Và này các Tỷ-kheo, chư Thiên đi vào trong thành của chư Thiên và suy nghĩ như sau: *"Nay chúng ta hãy đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với chúng ta, không có gì phải làm với các Asurà"*. Này các Tỷ-kheo, các Asurà cũng suy nghĩ như sau: "Này chư Thiên đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với chúng nó, không có gì phải làm với chúng ta."

4. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư Thiên và các loài Asurà. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, chư Thiên thắng, các Asurà bị bại trận. Các Asurà thất trận bỏ chạy, chư Thiên mặt hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà suy nghĩ như sau: "Chư Thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh trận thứ hai với chư Thiên".

5. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các Asurà đánh trận với chư Thiên. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư Thiên thắng trận, các Asurà bại trận. Này các Tỷ-kheo, các Asurà thất trận sợ hãi bỏ chạy, chư Thiên mặt hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà suy nghĩ như sau: "Chư Thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với chư Thiên".

6. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các Asurà đánh với chư Thiên. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư Thiên thắng trận, các Asurà bại trận. Này các Tỷ-kheo, các Asurà thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố Asurà. Rồi này các Tỷ-kheo, các Asurà đi vào trong thành của các Asurà suy nghĩ như sau: *" Nay chúng ta đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với chúng ta, không có gì phải làm với chư Thiên".* Này các Tỷ-kheo, chư Thiên cũng suy nghĩ như sau: "Này các Asurà đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với chúng nó, không có gì phải làm với chúng ta."

7. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Màra".* Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta".

8. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo diệt các tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư**, trong khi ấy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không

có việc gì phải làm với Màra". Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náo của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta".

9. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là *Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Màra, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.*

10. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**...

Vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì" chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**...

Vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**...

Trong khi Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ**

tưởng định, vị ấy thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Màra, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. **Vị ấy đã vượt qua triền phược ở đời**.

4 Kinh BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG – Tăng I, 255

BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG – *Tăng* I, 255

1. Này các Tỷ-kheo,

- Trong ngày thứ tám của nửa tháng, các vị **Đại thần cố vấn** cho bốn Đại vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài Người, có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-là-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.
- Trong ngày 14 của nửa tháng, các **Hoàng tử** của bốn Thiên vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài Người, có nhiều người có hiếu với mẹ … có làm các công đức.
- Trong ngày rằm lễ Uposatha, **bốn vị Thiên vương** tự mình đi du hành trong thế giới này để xem trong loài Người, có nhiều người có hiếu với mẹ … có làm các công đức.

2. Nếu chỉ có ***ít người*** giữa loài Người, này các Tỷ-kheo, có hiếu với mẹ… làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư

Thiên ở cõi trời thứ Ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammà:

- "Thưa chư vị, có ít người giữa loài Người có hiếu với mẹ… có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ Ba mươi ba không hoan hỷ nói: *"Thật vậy, Thiên chúng sẽ bị tổn giảm và Asura chúng (A-tu-la) sẽ được sung mãn."*

3. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu có ***nhiều* người** giữa loài Người, có hiếu với mẹ… có làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư Thiên ở cõi trời thứ Ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammà:

- "Thưa chư Vị, có nhiều người giữa loài Người, có hiếu với mẹ… có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ Ba mươi ba hoan hỷ và nói: *"Thật vậy*, ***Thiên*** chúng sẽ được sung mãn, còn các **Asura** chúng sẽ bị tổn giảm.

5 Kinh Vua ATuLa Verocana Hay Mục Đích – Tương I, 499

Vua ATuLa Verocana Hay Mục Đích – *Tương* I, 499

1) Nhân duyên ở Sàtthi.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi Thiền tịnh.

3) Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Verocana vua các A-tu-la, đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.

4) Rồi A-tu-la Verocana, vua các A-tu-la, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

> *Mọi người phải tinh tấn,*
> *Cho đến đích thành tựu.*
> *Khi mục đích thành tựu,*
> *Thời chiếu diệu chói sáng,*
> *Chính Verocana,*
> *Đã nói lời như vậy.*

(Sakka):

> *5) Mọi người phải tinh tấn,*

Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với ***kham nhẫn****.*

(Verocana):

6) Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,
Chính Verocana
Đã nói lời như vậy.

(Sakka):

7) Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài,
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng,

Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với ***kham nhẫn***.

6 Thiên chủ Sakka trở thành chồng một thiếu nữ Atula - Kinh Chư Thiên – Tương I, 511

Chư Thiên – *Tương* I, 511

1) Như vầy tôi nghe.

2) Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm tại Trùng Các giảng đường.

3) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thấy Thiên chủ Sakka không?

5) - Này Mahàli, Ta có thấy Thiên chủ Sakka.

6) - Bạch Thế Tôn, có thể vị ấy tương tự giống Sakka. Bạch Thế Tôn, thật khó thấy Thiên chủ Sakka.

7) - Này Mahàli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Sakka. Và Ta biết các pháp ấy.

8) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà la môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavà.

9) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được gọi là Purtindado.

10) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn, do vậy được gọi là Sakka.

11) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được gọi là Vàsavo.

12) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn, suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được gọi là Sahassa akkha (một ngàn con mắt).

13) Này Mahàli, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ A-tu-la là Sujà, do vậy được gọi là Sujampati.

14) Này Mahàli, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam thập tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.

15) Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thật hành **bảy cấm giới túc**. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc, Sakka được địa vị Sakka.

16) Thế nào là bảy cấm giới túc?

1. "Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ.
2. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc gia trưởng.
3. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa.
4. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi.
5. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí.
6. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật.
7. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ".

17) Này Mahali, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thật hành bảy cấm giới túc. Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ,
Với con người như vậy,
Chư Thiên tam thập tam,
Gọi là bậc Chơn nhơn.

7 Vua Atula - Kinh Không Gian Trá – Tương I, 498

Không Gian Trá – *Tương* I, 498

1) Ở Sàvatthi.

2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka trong khi Thiền tịnh độc cư, khởi lên ý nghĩ sau đây: ***"Dầu ai là kẻ thù của ta. Đối với họ, ta không có gian trá".***

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các A-tu-la, với tâm của mình biết tâm của Thiên chủ Sakka, liền đi đến Thiên chủ Sakka.

4) Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thấy Vepacitti, vua các A-tu-la, từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vua A-tu-la:

"- Hãy đứng lại, này Vepacitti, Ông đã bị bắt ".

5) "- Này Thân hữu, **tâm của Ông trước như thế nào, chớ có bỏ tâm ấy** ".

6) "- Này Vepacitti, Ông có thể thề: "Ta không bao giờ gian trá".

(Vepacitti):

7) Ác báo do vọng ngôn,
Ác báo do báng Thánh,
Ác báo do phản bạn,
Ác báo do vong ân.
Này Sujampati,
Ai gian trá với Ông,
Người ấy sẽ thọ lãnh,
Các quả báo như vậy.

8 Vua Atula và Nguyệt Thiên Tử - Kinh Candima Nguyệt Thiên Tử – Tương I, 115

Candima Nguyệt Thiên Tử – *Tương* I, 115

1) Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

Lúc bấy giờ, *Thiên tử Candima bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Candima, tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:*

2) Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Candima, nói lên bài lệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Canda đã quy y,

Như Lai, bậc La-hán,

Ràhu, hãy thả nó,

Vì chư Phật thương đời.

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Candima. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la, run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5) *Vì sao, như hốt hoảng,*

Ràhu thả Canda,

Ông đến, lòng run sợ,

Ông đứng, tâm kinh hoàng?

6) -- *Đầu con bể thành bảy,*

Đời con không hạnh phúc,

Với lời kệ đức Phật,

Nếu không thả Canda.

Suriya Nhật Thiên tử – *Tương* I, 117

1) Lúc bấy giờ, *Thiên tử Suriya bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Suriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:*

2) Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Suriya, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Suriya đã quy y,
Như Lai bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Suriya,

Trong thế giới tối tăm,

Đã đem lại ánh sáng,

Là mặt trời sáng chói,

Là dĩa tròn hực đỏ,

Là lò lửa cháy nóng,

Là bà con của Ta.

Này Ràhu, (Ta nói):

Hãy thả Suriya.

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Suriya. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5) Vì sao, như hốt hoảng,

Ràhu, thả Suriya,

Ông đến, lòng run sợ,

Ông đứng, tâm kinh hoàng?

6) -- Đầu con bể thành bảy,

Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Suriya.

9 Vua Atula và Nhật Thiên Tử - Kinh Suriya Nhật Thiên tử – Tương I, 117

Suriya Nhật Thiên tử – *Tương* I, 117

1) Lúc bấy giờ, *Thiên tử Suriya bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Suriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:*

2) Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Suriya, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Suriya đã quy y,
Như Lai bậc La-hán,

Ràhu, hãy thả nó,

Vì chư Phật thương đời.

Ông đi giữa hư không,

Chớ nuốt Suriya,

Trong thế giới tối tăm,

Đã đem lại ánh sáng,

Là mặt trời sáng chói,

Là dĩa tròn hực đỏ,

Là lò lửa cháy nóng,

Là bà con của Ta.

Này Ràhu, (Ta nói):

Hãy thả Suriya.

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Suriya. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5) Vì sao, như hốt hoảng,

Ràhu, thả Suriya,

Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?

6) -- *Đầu con bể thành bảy,*
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Suriya.

10 Vua Atula đêm ấy thức dậy hoảng hốt 3 lần - Kinh Ẩn Sĩ Ở Bờ Biển Hay Sambara – Tương I, 502

Ẩn Sĩ Ở Bờ Biển Hay Sambara – *Tương* I, 502

1) Ở Sàvatthi.

2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá, trên bờ biển.

3) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, một trận chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất ác liệt.

4) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy suy nghĩ như sau: "Chư Thiên sống như pháp, các A-tu-la sống phi pháp. Chúng ta có thể nguy hiểm từ phía A-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô úy".

5) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A- tu-la vương Sambara.

6) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với A-tu-la vương Sambara:

7) Các ẩn sĩ chúng tôi,
Đến với Sambara,
Để xin Ngài bảo đảm,
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Những người đang sợ hãi,
Được khỏi phải sợ hãi.

(Sambara):

8) Ẩn sĩ như các Ông,
Không thể có vô úy,
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các Ông xin vô úy,
Ta cho sự sợ hãi.

(Các ẩn sĩ):

9) Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sợ hãi,
Ta nhận vậy từ Ông,
Trọn đời, Ông sợ hãi!
Tùy hột giống đã gieo,
Ông gặt quả như vậy.

Làm thiện được quả thiện,
Làm ác bị quả ác,
Giống đã gieo và trồng,
Ông sẽ hưởng kết quả.

10) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, sau khi thốt lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chòi lá trên bờ biển.

11) Này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Sambara, bị các ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy chú nguyện như vậy, trong đêm ấy thức dậy hoảng hốt ba lần.